

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – TUYÊN
QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2026/HNGĐ-

ST

Ngày: 04-9-2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tuyến và bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa : Ông Hoàng Duy Luận.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 325/2026/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Diệu L, sinh năm 2006. Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L2; đị chỉ: 54c L, phường T, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Ma Công M, sinh năm 2004. Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đào Diệu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Ma Công M được tự do tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang vào tháng 8/2025. Sau khi kết hôn chị L, anh M chung sống tại thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Khi chung sống cùng nhau chị L, anh M đã nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng

không cùng quan điểm sống, do anh M có hành vi nhấn tin và qua lại với người phụ nữ khác. Đến tháng 3 năm 2026, anh M bắt đầu đi làm tại Hà Nội, còn chị L vẫn tiếp tục sinh sống tại địa chỉ thường trú. Đến ngày 16 tháng 05 năm 2026, chị L, anh M bắt đầu tiếp tục xảy ra tranh cãi và không còn tìm được tiếng nói chung. Đến ngày 30 tháng 05 năm 2026, hai bên gia đình có ngồi lại nói chuyện với nhau và mâu thuẫn được xác định là không thể hàn gắn. Anh L1, chị M sống ly thân từ tháng 4 năm 2026 đến nay nên tình cảm vợ chồng của chị L1 và anh M không còn, chị L1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L1 được ly hôn với anh Ma Công M.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Ma Công M đến để giải quyết việc chị Đào Diệu L đề nghị ly hôn nhưng anh M đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Đào Diệu L. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh M vẫn đăng ký thường trú tại thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Kim Thị S (mẹ đẻ của anh Ma Công M) cung cấp như sau: Chị L và anh M được tự do tìm hiểu nhau và đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký hết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2025. Bà S không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là gì do cả hai đi làm ăn xa. Anh M có biết nội dung chị L xin ly hôn và nhất trí ly hôn với chị L, nhưng anh M đi làm ăn xa không về giải quyết theo giấy triệu tập của Tòa án. Chị L và anh M không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Bà S xác định việc chị L nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án anh M có được biết, tuy nhiên do anh M đi làm ăn xa nên không đến tòa án làm việc được. Địa chỉ cụ thể của anh M ở đâu thì bà S cũng không được biết, nên bà S không cung cấp được địa chỉ nơi làm việc của anh M cho Tòa án. Bà S xác định khi nhận được các văn bản tổng đạt của tòa án bà đã thông báo cho anh M biết về việc chị L xin ly hôn với anh M, anh M trao đổi lại ý kiến, nhất trí ly hôn với chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn” của chị Đào Diệu L, cho chị L được ly hôn với anh Ma Công M.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đào Diệu L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Anh Ma Công M không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Đào Diệu L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Ma Công M. Anh Ma Công M đăng ký thường trú tại thôn H, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang. Tòa án có xác minh thu thập chứng cứ, do đó vụ án thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Ma Công M vắng mặt lần thứ hai, chị Đào Diệu L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Diệu L, anh Ma Công M có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 25/8/2025 tại UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang, kết hôn trên tinh thần tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của bà Kim Thị S và kết quả xác minh tại thôn H, xã T cho thấy: Cuộc sống chung của vợ chồng chị L và anh M thực tế đã không tồn tại, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị L và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Diệu L, xử cho chị L được ly hôn với anh Ma Công M.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Đào Diệu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Ma Công M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Diệu L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Diệu L được ly hôn với anh Ma Công M (*Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2025 ngày 25/8/2025 của UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Đào Diệu L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000017, ngày 03/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang nay được trừ vào tiền án phí. Chị Đào Diệu L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Ma Công M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Diệu L, anh Ma Công M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2- Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Tân Mỹ- Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Ngọc

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Xuân Tuyền Triệu Thị
Yên**

Đào Thị Bích Ngọc

